

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phong

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Thông báo mở lại Phiên tòa số: 551/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Tuyết N, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp Th, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm: 1983; anh Hồ Nguyên P, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: ấp Th, xã M, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/8/2020 bà Trần Thị Thanh Th có mượn bà số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 07/9/2020 bà Th có mượn bà số tiền là 200.000.000 đồng,

Ngày 09/11/2020 bà Th có mượn bà thêm là 500.000.000 đồng nói để mua đất và hứa sau 02 tuần sẽ trả lại. Cùng ngày bà xuống ngân hàng Agribank vay 500.000.000 đồng với mức lãi suất 7,8%/năm về đưa cho bà Th.

Sau đó vợ chồng bà Th có đến nhà năn nỉ cho đóng 10.000.000 đồng/tháng và sẽ trả vào dịp tết là 50.000.000 đồng nếu có nhiều sẽ trả nhiều hơn.

Bà Th trả tiền như sau: Ngày 20/12/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 20/01/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 20/02/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 20/3/2021 trả 2.000.000 đồng, ngày 20/3/2022 trả 2.000.000 đồng, ngày 20/4/2022 trả 1.000.000 đồng, Tổng cộng trả tiền vốn là 25.000.000 đồng.

Do số tiền này bà Th mượn phục vụ chung cho kinh tế gia đình nên nay yêu cầu bà Trần Thị Thanh Th cùng chồng là Hồ Nguyên P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 875.000.000 đồng và trả lãi kể từ ngày 09/11/2020 đến ngày xét xử với mức lãi suất 7,8%/năm.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Trần Thị Thanh Th trình bày:

Chị thừa nhận chị có vay tiền của bà N như lời bà N trình bày, số tiền chị vay từ bà N cho bà K vay lại nhưng nay bà K đã bỏ địa phương. Số tiền lãi chị trả cho bà N là 2000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. khi bà N đến đòi tiền thì chị có năn nỉ xin bà N cho trả từ từ và đã trả được 25.000.000 đồng. Khi vay tiền bà N chị không cho chồng chị biết, đến khi bà K bỏ đi thì chồng chị mới hay và cùng chị đến nhà bà N xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng bà N không đồng ý. Hiện nay do gia đình có khó khăn nên không thể trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà N được, xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng tiền nợ gốc đến khi dứt nợ, về tiền lãi xin bà N không tính tiền lãi.

** Theo bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Hồ Nguyên P trình bày:*

Mọi việc làm ăn giữa vợ anh với bà N anh không hề hay biết nhưng sau khi biết anh có đến nhà năn nỉ bà N xin trả từ từ mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng bà N không cho. Nay anh cùng thống nhất với ý kiến của vợ anh là Trần Thị Thanh Th đồng ý liên đới trả cho bà N mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 09/11/2020 với mức lãi suất 7,8%/năm đến khi xét xử. Tạm tính đến 23/11/2022 là 139.154.000 đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền và giấy xác nhận nợ. Bị đơn thừa nhận hiện còn thiếu số tiền 875.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi của bị đơn: Số tiền nợ gốc là 875.000.000 đồng nhưng bị đơn xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng đã không được phía nguyên đơn đồng ý và cũng trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

2.3 Về tiền lãi: Giấy mượn tiền và giấy xác nhận nợ các bên không ghi mức thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất 7,8%/năm, chị Th và anh P thừa nhận có lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất là bao nhiêu nên có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 10%/năm của khoản tiền vay) tương đương 0,83%/tháng. Đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và lãi suất thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn, yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 7,8%/năm tương đương 0,65%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi được tính từ thời gian vay đến ngày xét xử được xác định như sau:

Từ ngày 09/11/2020 đến ngày xét xử là ngày 24/5/2023: Số tiền 875.000.000 đồng $\times$ 0,65% $\times$ 29 tháng 18 ngày = 168.350.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc chị Trần Thị Thanh Th và anh Hồ Nguyên P liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Tuyết N tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là: 875.000.000 đồng + 168.350.000 đồng = 1.043.350.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Tuyết N đối với chị Trần Thị Thanh Th và anh Hồ Nguyên P.

Buộc chị Trần Thị Thanh Th và anh Hồ Nguyên P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Tuyết N tổng số tiền là 1.043.350.000 (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 43.305.000 (Bốn mươi ba triệu ba trăm lẻ năm nghìn) đồng chị Trần Thị Thanh Th và anh Hồ Nguyên P liên đới có nghĩa vụ nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Đặng Tuyết N số tiền 14.788.000 (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai số 0000981 ngày 30/12/2022.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí